

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con chung và cấp dưỡng nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Đinh Văn Tùng.

2/. Ông Huỳnh Văn Hoàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 331/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Ngọc A, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Anh Lê Minh C, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc A trình bày:**

Tôi và anh Lê Minh C do quen biết nhau, sau đó chúng tôi kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01 ngày 07/5/2008. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống tại Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Anh C thường xuyên vô cớ kiểm chuyện chửi

bới tôi và gia đình tôi, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, Anh Ckhông phụ tôi chăm lo cho gia đình. Từ giữa năm 2018 đến nay Anh Cbỏ đi và không về thăm vợ, con nữa và chúng tôi sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Thành N, sinh ngày 10/9/2008, Lê Thành T, sinh ngày 28/6/2014 và Lê Ngọc Huyền M, sinh ngày 12/01/2017. Từ trước đến nay các con do tôi trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Trước đây tôi có yêu cầu Anh Ccấp dưỡng nuôi con chung, nay tôi rút lại yêu cầu cấp dưỡng, tôi không yêu cầu Anh Ccấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn anh Lê Minh C đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị Acó đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị A.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị Ayêu cầu được ly hôn với anh C. Chị Avà Anh Ccó đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Anh Ccó đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Avà Anh Ckết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01 ngày 07/5/2008 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Atrình bày mâu thuẫn giữa chị và Anh Clà do Anh Cthường xuyên vô cớ kiểm chuyện chửi bới chị và gia đình chị làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, Anh Ckhông phụ chăm lo cho gia đình. Từ giữa năm 2018 đến nay Anh Cbỏ đi và không về thăm vợ, con. Chị Avà Anh Cđã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Agiữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh C. Anh C mặc dù đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Chị A và Anh C đã ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm, điều đó chứng tỏ Anh C và chị A đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị A và Anh C có ba người con chung tên Lê Thành N, sinh ngày 10/9/2008, Lê Thành T, sinh ngày 28/6/2014 và Lê Ngọc Huyền M, sinh ngày 12/01/2017. Xét thấy, từ lúc Anh C và chị A sống ly thân đến nay các con chung do chị A trực tiếp nuôi dưỡng và tại bản trình bày ý kiến ngày 10/6/2022 cháu N và cháu T cũng có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục chung sống với chị A. Để đảm bảo môi trường sống ổn định của các con chung cần tiếp tục giao cháu Nhân, cháu T và cháu M cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tại đơn khởi kiện chị A yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi 03 con chung đến khi đủ 18 tuổi với số tiền là 10.000.000 đồng/tháng/03 con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án chị A rút lại yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị A nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Chị A và Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị Phạm Thị Ngọc A.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc A.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc A được ly hôn với anh Lê Minh C.

Về con chung: Giao 03 con chung tên Lê Thành N, sinh ngày 10/9/2008, Lê Thành T, sinh ngày 28/6/2014 và Lê Ngọc Huyền M, sinh ngày 12/01/2017 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh C chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị A chưa yêu cầu.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu số 0016245 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị A đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Lê Minh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Giang**